TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2026/HS-ST
Ngày: 18-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Thành và Ông Lê Ngọc Sử
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Trọng S**, sinh ngày 12/4/1995, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038095040432, cấp ngày 24/01/2022; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Bình Phước.

2. Họ và tên: **Nông Văn C**, sinh ngày 04/11/1998, tại tỉnh Lào Cai; Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Lào Cai; Số CCCD: số CCCD: 015098002810 cấp ngày 13/4/2022; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T2, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị T3, sinh năm 1977; Có vợ là Đặng Thị N, sinh năm 2000 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Bình Phước.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 15/10/2025, Vũ Trọng S rủ Nông Văn C góp tiền mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy đá về cùng sử dụng thì C đồng ý. S gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo cho T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và hẹn giao ma túy tại khu vực ngã tư S, thuộc phường B thì T4 đồng ý. Lúc này, S mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 36B4 – 402.30 của anh Lê Doãn T5 đi đến gặp T4. Sau khi đưa cho T4 số tiền 200.000 đồng thì T4 giao cho S 01 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy đá. S đem ma túy mua được về phòng của mình tại xưởng ván lạng Tâm Đ rồi cùng với Nông Văn C bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy mà S đã chuẩn bị từ trước để sử dụng hết số ma túy đã mua. Sau khi sử dụng ma túy xong, S hàn kín vỏ ống hút nhựa chứa ma túy đã sử dụng hết đem cất giấu cùng với bộ D sử dụng ma túy tại phòng của S.

Đến khoảng 17 giờ ngày 20/10/2025, khi đang ở xưởng ván lạng Tâm Đ thì S rủ C mỗi người góp 100.000 đồng mua ma túy đá về cùng sử dụng thì C đồng ý. Lúc này, S tiếp tục gọi điện thoại cho T4 hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và T4 gửi cho S mã chuyển tiền QR rồi S chuyển khoản trả tiền mua ma túy trước cho T4. Sau đó, C mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 36B4 – 402.30 của anh T5 đi ra khu vực ngã tư S, thuộc phường B thì có một người thanh niên giao cho C 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu, bên trong chứa ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, C đem về để trên bàn tại phòng của S rồi C về phòng của mình ở gần đó tắm rửa.

Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã T thực hiện kế hoạch tổng rà soát các đối tượng liên quan đến ma túy đã tiến hành kiểm tra, thử test ma túy số công nhân lưu trú tại xưởng ván lạng Tâm Đ. Qua thử test ma túy, phát hiện S và C dương tính với ma túy loại Methamphetamine nên Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra phòng ở của S. Qua kiểm tra phát hiện, trên kệ sắt có 01 (một) hộp giấy kích thước(29,5 x 20)cm bên trong có 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh trắng, được hàn kín hai đầu, kích thước (3,5 x 01)cm có chứa một ít chất rắn và 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh trắng, được hàn kín hai đầu, kích thước (04 x 01)cm bên trong có chứa chất rắn và 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

Qua làm việc, S và C đã khai nhận đoạn ống hút nhựa kích thước (04 x 01)cm bên trong có chứa chất rắn là ma túy đá mà S, C mua vào chiều ngày 20/10/2025 nhưng chưa kịp sử dụng; đoạn vỏ ống hút nhựa kích thước (3,5 x 01)cm có chứa một ít chất rắn là ống hút chứa ma túy mà S, C đã sử dụng hết vào

ngày 15/10/2025; còn bộ dụng cụ sử dụng ma túy là của S và ngày 15/10/2025, S, C đã dùng bộ dụng cụ này để sử dụng ma túy.

Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nông Văn C và Vũ Trọng S về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 2868/KL-KTHS ngày 27/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận:

Tinh thể màu trắng ký hiệu M bám dính bên trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định khối lượng do mẫu ở dạng vết;

Tinh thể màu trắng ký hiệu M1 bên trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,2641 gam.

Tại Kết luận giám định số 2908/KL-KTHS ngày 30/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu của Nông văn C1 (1998) và Mẫu nước tiểu của Vũ Trọng S (1995) được niêm phong gửi đến giám định có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine trong nước tiểu.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Trọng S mức án từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Trọng S mức án từ 03 năm 06 tháng – 04 năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp thành hình phạt chung

-Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn C mức án từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn C mức án từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp thành hình phạt chung

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong bên trong có 0,2145 gam ma túy còn lại sau giám định và 02 vỏ ống hút nhựa; 01 (một) hộp giấy kích thước (29,5 x 20)cm; 01 (một) nắp chai màu đỏ được đục thủng 02 lỗ được gắn 01 đoạn ống nhựa màu đen dài 18cm và 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18,5cm một đầu được quấn băng keo màu đen; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh.

Các bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với ông Lê Doãn L và ông Lê Doãn T5, qua xác định ông L, ông T5 không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại xưởng nơi mình quản lý và đã được cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nên không còn liên quan gì đến vụ án, do vậy không cần phải đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư các là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố đối với các bị cáo. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản bắt giữ người phạm

tội quả tang, phù hợp với bản Kết luận giám định số 2868/KL-KTHS ngày 27/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 15/10/2025, Vũ Trọng S và Nông Văn C đã có hành vi cùng góp tiền mua ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng và Ngày 20/10/2025, Vũ Trọng S và Nông Văn C đã có hành vi cất giấu 0,2641 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng tại ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai thì bị bắt quả tang.

Hành vi các bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo là người đã thành niên hoàn toàn nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội (nghiện hút, trộm cắp, cướp giật…) gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: bị cáo S là người đầu tiên khởi xướng và rủ bị cáo C góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, S cũng là người trực tiếp liên hệ, đi mua ma túy, bộ dụng cụ sử dụng ma túy về để cả hai sử dụng, do vậy bị cáo S phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo C. Đối với bị cáo C, lẽ ra khi được S rủ thì phải từ chối hoặc có biện pháp ngăn cản nhưng bị cáo C cũng tiếp nhận và cùng góp tiền để mua ma túy, bộ D và cùng với S sử dụng ma túy nên bị cáo C phải chịu hình phạt tương xứng nhưng nhẹ hơn bị cáo S.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo C là người dân tộc ít người, trình độ văn hóa thấp (7/12) nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản

2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

[6]. Các vấn đề khác và vật chứng vụ án:

Đối với Lê Doãn T5 (là người quản lý xưởng ván lạng Tâm Đ) không biết Vũ Trọng S, Nông Văn C tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy tại xưởng và cũng không biết S, C mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 36B4 – 402.30 để đi mua ma túy về sử dụng Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại cho ông T5 nên không xem xét.

Đối với T4 (không rõ lai lịch) theo lời khai của Vũ Trọng S là người bán ma túy nhiều lần cho S và S đã giao dịch thông qua tài khoản của T4. Quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân lai lịch của T4 và không có giao dịch tài khoản nào liên quan đến S nên chưa có cơ sở để xử lý.

Đối với số vật chứng đã thu giữ, gồm: 01 (một) phong bì được niêm phong (bên trong có 0,2145 gam ma túy còn lại sau giám định và 02 vỏ ống hút nhựa); 01 (một) hộp giấy kích thước (29,5 x 20)cm; 01 (một) nắp chai màu đỏ được đục thủng 02 lỗ được gắn 01 đoạn ống nhựa màu đen dài 18cm và 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18,5cm một đầu được quấn băng keo màu đen, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh thu giữ của bị cáo S, là công cụ để bị cáo liên hệ mua ma túy, do vậy cần tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

[7] Về án phí: Các bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Trọng S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Trọng S 03 (ba) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc bị cáo **Vũ Trọng S phải chấp hành hình phạt chung án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2025.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn C từ 03 (ba) năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn C từ 03 (ba) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc **bị cáo Nông Văn C phải chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2025.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm 01 (một) phong bì được niêm phong bên trong có 0,2145 gam ma túy còn lại sau giám định và 02 vỏ ống hút nhựa; 01 (một) hộp giấy kích thước (29,5 x 20)cm; 01 (một) nắp chai màu đỏ được đục thủng 02 lỗ được gắn 01 đoạn ống nhựa màu đen dài 18cm và 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18,5cm một đầu được quấn băng keo màu đen;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh, đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 75 ngày 13/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Nai).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Trọng S và Nông Văn C mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 9 -Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (3);
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng PC10–Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Người tham gia tố tụng (3);
- Thi hành án (3);
- Lưu HSVA, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương